TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2025/HC-PT
Ngày 10 tháng 9 năm 2025
"V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 528/2025/TLPT-HC ngày 16 tháng 6 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 53/HC-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 904/2025/QĐPT-HC ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1969 – Vắng mặt;

Địa chỉ liên lạc: Số 23/14 F24 Tổ 79, Khu phố 6, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số 23/14 F24 Tổ 79, Khu phố 6, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện (Văn bản uỷ quyền do Ủy ban nhân dân xã Hồng Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc chứng thực ngày 27/5/2024): Ông Hoàng Sơn H, sinh năm 1973 – Có mặt;

Địa chỉ: Căn hộ 12A.01 Chung cư Lương Định Của, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Căn hộ 12A.01 Chung cư Lương Định Của, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh);

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Khánh: Ông Bùi Anh T, Chuyên viên phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường An Khánh – Có mặt;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Khánh: Ông Bùi Anh T, Chuyên viên phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường An Khánh – Có mặt;

3.2. Ông Hoàng Sơn H, sinh năm 1973 – Có mặt;

Địa chỉ: Căn hộ 12A.01 Chung cư Lương Định Của, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Căn hộ 12A.01 Chung cư Lương Định Của, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh);

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Hoàng Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 23/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Hoàng Văn Đ và người đại diện hợp pháp của ông trình bày:

Nhà đất không số, diện tích 144,1 m^2 tại Tổ 79, Khu phố 6, phường An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh của ông có nguồn gốc thuộc diện tích 909,84 m^2 Thửa đất số 35 và một phần Thửa đất số 34, Tờ bản đồ số 38 do bà Phan Thị Lẹ sử dụng từ trước năm 1975. Năm 1995, bà Lẹ bán phần đất này cho các ông: Phạm Văn Thơ, Phạm Văn Mậu, Phạm Văn Cử làm nhà ở đến tháng 9/1999 chuyển nhượng toàn bộ nhà đất lại cho ông Hoàng Sơn H. Cuối năm 1999, ông H chuyển nhượng lại cho các hộ sử dụng làm nhà ở như sau: Bà Hoàng Thị T^1 170,44 m^2; bà Hoàng Thị P 195,4 m^2, bà Hoàng Thị P^1 200 m^2, ông Hoàng Văn Đ 144,1 m^2, ông Hoàng Văn H sử dụng diện tích còn lại là 200 m^2.

Năm 2000, Ủy ban nhân dân Quận 2 cho biết nhà thuộc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm nên bị giải tỏa, nhưng ông Đ không được lập hồ sơ đền bù vì Ủy ban nhân dân Quận 2 cho rằng nhà đất của 05 hộ (trong đó có hộ của ông Đ) gộp lại để bồi thường cho ông Hoàng Sơn H. Ngày 20/3/2010, ông khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 3174/QĐ-UBND-TTr ngày 15/7/2015 *(Sau đây viết tắt là Quyết định số 3174)* bác khiếu nại của ông. Ông tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 *(Sau đây viết tắt là Quyết định số 4379)* có nội dung công nhận Quyết định số 3174/QĐ-UBND-TTr ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2.

Việc Ủy ban nhân dân Quận 2 không lập hồ sơ bồi hoàn cho ông là không đúng vì nguồn gốc đất của bà Lẹ sử dụng và cất nhà ở từ trước năm 1975 đến năm 1995 chuyển nhượng lại cho các ông Thơ, Mậu, Cử cũng cất nhà ở (Tờ đăng ký nhà đất ngày 20/8/1999 của ông Mậu và Tờ đăng ký nhà đất ngày 28/8/1999 của ông Cử đều được Ủy ban nhân dân phường An Khánh xác nhận ngày 20/9/2001 có xây nhà ở từ năm 1995). Tháng 9/1999, các ông Thơ, Mậu, Cử chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho ông H thì cuối năm 1999 ông H chuyển nhượng lại cho 05 hộ, trong đó có hộ của ông sử dụng ôn định cho đến nay, không có ai tranh chấp. Trong phiên đối thoại với 05 hộ, Chánh Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh sẽ báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo cho Ủy ban nhân dân Quận 2 giải quyết bồi thường tách riêng cho 05 hộ nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4382/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 là không đúng.

Ông Hoàng Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 3174/QĐĐ-UBND-TTr ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 và hủy Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Tại văn bản số 12212/UBND-BBT ngày 10/12/2024 và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trình bày:

Phần đất diện tích 909,84 m^2 của bà Lẹ sử dụng trước năm 1975 đến năm 1995 bà Lệ bán phần diện tích cho các ông Thơ, Mậu, Cử. Từ sau năm 1997 trước năm 2001, các ông Thơ, Mậu, Cử bán phần đất lại cho ông H. Toàn bộ nhà đất ông H sử dụng đứng tên hồ sơ bồi thường thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập ngày 07/3/2009 đã được Ủy ban nhân dân phường An Khánh kiểm tra nội nghiệp xác định diện tích là 909,84 m^2. Phần diện tích 259,81 m^2 có nhà đã bị thu hồi (ông H đã được bồi thường), phần còn lại diện tích 650,03 tiếp tục thu hồi thực hiện dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm năm 2010.

Tại Văn bản số 13/UBND ngày 27/02/2015 của Ủy ban nhân dân phường An Khánh xác nhận: Năm 1998, ông Hoàng Văn Đ tạm trú tại nhà số 23/14F2, Tổ 79, Khu phố 6, phường An Khánh, Quận 2 do ông H làm chủ hộ. Đến ngày 15/4/2004, ông Đ tách sổ KT3 có địa chỉ 23/14F24, Tổ 79, Khu phố 6, phường An Khánh, Quận 2 để quản lý và xin điện nước. Khoảng năm 2008 nhà số 23/14F2 giải tỏa, bàn giao mặt bằng, ông H được lập hồ sơ bồi thường mã số MHS: 1853/AK. Sau khi giải tỏa nhà 23/14F2 thì ông Đ chuyển về cư trú căn nhà ở gần đó, nhà không số thuộc Tổ 79, Khu phố 6, phường An Khánh, Quận 2 cho đến ngày bàn giao mặt bằng thực hiện dự án.

Sổ dã ngoại và bản đồ địa chính năm 2002 thể hiện toàn bộ khuôn viên giải tỏa nêu trên vẫn do ông Hoàng Sơn H đứng tên đăng ký sử dụng thuộc Thửa đất số 35, Tờ bản đồ số 18, diện tích 707,3 m^2. Ông Đ không có đứng tên đăng ký sử dụng đối với phần đất diện tích 144,1 m^2 tại thời điểm năm 2002.

Gia đình ông Đ có cung cấp 01 giấy sang nhượng nhà ở, đất ở ngày 10/12/1999, Sổ đăng ký tạm trú có thời hạn do Công an phường An Khánh cấp ngày 16/4/2005 cho ông Đ địa chỉ 23/14F24, Tổ 79, Khu phố 6, phường An Khánh, Quận 2. Ông Đ không cung cấp được tài liệu nào chứng minh ông nhận chuyển nhượng tích 144,1 m^2 của ông H và thực tế ông Đ có mua đất, xây dựng nhà ở và chăn nuôi trước năm 2001.

Ủy ban nhân dân Quận 2 lập hồ sơ bồi thường cho ông H đối với toàn bộ diện tích thu hồi 909,84 m^2 là đúng nên Quyết định số 3174/QĐĐ-UBND-TTr ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 là đúng quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 11/UBND-NCPC ngày 02/01/2025 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Trên cơ sở kết quả

kiểm tra, rà soát hồ sơ, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Hoàng Văn Đ và căn cứ quy định của pháp luật thì Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại Văn bản số 1431/UBND-BBT ngày 14/02/2025 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trình bày: Thống nhất ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Sơn H trình bày: Thống nhất ý kiến của người khởi kiện ông Hoàng Văn Đ;

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 53/HC-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ về việc tuyên hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 3174/QĐĐ-UBND-TTr ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn Đ;

- Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn Đ (lần 2);

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2025, ông Hoàng Văn Đ có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 3174/QĐĐ-UBND-TTr ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2; hủy Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Quyết định số 7055/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Hoàng Sơn H giữ nguyên kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ. Ông Đ đã nhận đất, cất nhà ở ổn định trên diện tích 144,1 m^2 từ năm 1999 đến nay, đã được Nhà nước cấp điện, cấp nước riêng biệt. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của ông Đ, buộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phải lập hồ sơ bồi thường riêng cho ông Đ đối với diện tích thu hồi của ông Đông là 144,1 m^2.

Ông Bùi Anh T không đồng ý kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ. Việc mua bán đất bằng giấy tay không được Nhà nước công nhận, ông Đ không kê khai đăng ký đất, không có đóng thuế đất nên Ủy ban đã lập thủ tục bồi thường chung cho ông H mà không lập hồ sơ bồi thường riêng cho ông Đ là đúng pháp luật.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Hoàng Sơn H đã khởi kiện vụ án khác và đã được giải quyết tại Bản án hành chính sơ thẩm số 326/2024/HC-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã được xem xét Quyết định số 7055/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, nên theo quy định tại Điều 220 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ về yêu cầu hủy Quyết định số 7055/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm trong vụ án này.

Đối với nội dung ông Hoàng Văn Đ kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 3174 và hủy Quyết định số 4379 đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Ngày 15/12/2023, ông Hoàng Văn Đ khởi kiện đối với Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (có nội dung giữ nguyên Quyết định số 3174) là chưa quá 01 năm, kể từ ngày có quyết định hành chính bị khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 173 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 3174 và Quyết định số 4379 đều đảm bảo đúng quy định tại Điều 18, Điều 21, mục 2 và mục 3 Luật khiếu nại năm 2011.

[4] Ông Hoàng Văn Đ trình bày ông quản lý sử dụng riêng diện tích 144,10 m^2 trong tổng diện tích 909,84 m^2 có nguồn gốc của bà Phan Thị Lẹ sử dụng trước năm 1975, đến năm 1995 bà Lẹ chuyển nhượng cho các ông: Phạm Văn Thơ, Phạm Văn Mậu, Phạm Văn Cử đến tháng 9/1999 các ông: Thơ, Mậu, Cử chuyển nhượng lại cho ông Hoàng Sơn H và cuối năm 1999 ông H đã phân chia cho ông quản lý, sử dụng diện tích 144,10 m^2 cho đến nay. Nay Nhà nước thu hồi đất thì ông yêu cầu được lập hồ sơ bồi thường riêng cho ông đối với diện tích 144,10 m^2 này.

[5] Tại bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập ngày 07/3/2009 đã được Ủy ban nhân dân phường An Khánh kiểm tra nội nghiệp, có diện tích là 909,84 m^2 thuộc một phần Thửa đất số 588 và Thửa đất số 590, Tờ bản đồ thứ 1, xã An Khánh, huyện Thủ Đức (Tài liệu 299/TTg) nay thuộc Thửa đất số 35, một phần Thửa đất số 34, Tờ bản đồ số 18, phường An Khánh, Quận 2 (Bản đồ địa chính 2002). Toàn bộ nhà đất này thuộc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Sổ dã ngoại và bản đồ địa chính năm 2002 thể hiện ông Hoàng Văn Đ không có đứng tên đăng ký sử dụng đất, mà phần diện tích giải tỏa do ông Hoàng Sơn H đứng tên đăng ký, sử dụng Thửa đất số 35, diện tích 707,3 m^2, Tờ bản đồ số 18, phường An Khánh.

Ông H đứng tên hồ sơ bồi thường toàn bộ diện tích 909,84 m^2, bồi thường thành 02 đợt. Đợt 1 bồi thường diện tích 259,81 m^2 có căn nhà số 23/14F2, Tổ 79, Khu phố 6, phường An Khánh, Quận 2. Mã hồ sơ bồi thường là MHS 1853/AK. Phần diện tích còn lại là 650,03 m^2 tiếp tục bị thu hồi thực hiện Dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm vào năm 2010.

Năm 2001, ông H xây nhà không phép, bị xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 991/QĐ-UB-QLĐT ngày 29/4/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2. Như vậy, ngoài căn nhà số 23/14F2, Tổ 79, Khu phố 6 thì trên đất của ông Hải còn có ngôi nhà xây dựng không phép sau thời điểm năm 2001.

Văn bản số 13/UBND ngày 27/02/2015 của Ủy ban nhân dân phường An Khánh xác định: Năm 1998, ông Hoàng Văn Đ tạm trú tại nhà số 23/14F2, Tổ 29, Khu phố 6 do ông Hoàng Sơn H làm chủ hộ. Ngày 15/4/2004 ông Đ tách sổ KT3, có địa chỉ số 23/14F24, Tổ 79, Khu phố 6 để quản lý và xin điện, nước. Khoảng năm 2008 thì nhà số 23/14F2 của ông H bị giải tỏa. Như vậy, sau khi giải tỏa (đợt 1) thì căn nhà mà ông Đ đăng ký tạm trú từ năm 1998 đã không

còn, ông Đ chuyển về cư trú tại nhà tách sổ KT3 địa chỉ số 23/14F24 cũng trên đất của ông H từ năm 2009 cho đến ngày giao mặt bằng thực hiện dự án.

Giấy sang nhượng nhà ở, đất ở ngày 10/12/1999 do ông Đ cung cấp là giấy tay, không có chính quyền địa phương xác nhận, cũng không được cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai, đô thị chấp thuận và ông Đ không kê khai đăng ký sử dụng đất vào sổ bộ địa chính.

Chỉ thị số 34/2001/CT-UB ngày 20/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nghiêm cấm việc chuyển mục đích sử dụng đất, san lấp mặt bằng, xây dựng, mua bán, chuyển nhượng nhà đất bất hợp pháp trên toàn bộ Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Mặt khác, ông Hoàng Sơn H đã được lập hồ sơ bồi thường toàn bộ diện tích 909,84 m^2 trong đó có cả diện tích 144,10 m^2 ông Hoàng Văn Đ quản lý, sử dụng.

Như vậy, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền không lập hồ sơ bồi thường riêng cho ông Hoàng Văn Đ diện tích 144,10 m^2 là có căn cứ, đúng pháp luật và do đó Quyết định số 3174 và Quyết định số 4379 có nội dung bác khiếu nại của ông Hoàng Văn Đ là đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Hoàng Văn Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm;

[8] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 53/HC-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Không chấp nhận khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ yêu cầu hủy các quyết định sau đây:

- Quyết định số 3174/QĐĐ-UBND-TTr ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn Đ;

- Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn Đ (lần hai);

3. Ông Hoàng Văn Đ phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0070431 ngày 21/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát XXPT VKSNDTC tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TPQ (18b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công